Logo Protea Image not found or type unknown

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 178 | Ngày: 25/03/2026 22:12

## Thông tin ca làm việc

**Người tạo:** Mai Văn Thức

**Doanh thu:** 4.747.000 đ

**Tiền mặt:** 2.660.000 đ

**Chuyển khoản Tingbox:** 2.087.000 đ

**Tiền cơm phần:** 0 đ

**Tiền ve chai:** 0 đ

**Tiền xe hơi:** 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bánh Orio | 3.00 Cái | 0.77 Cây | 0.00 Cây | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2 | Bột Cacao | 219.00 gram | 0.56 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3 | Bột Đá Xay | 971.00 gram | 0.03 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4 | Bột Milk Foam | 265.00 gram | 0.73 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5 | Cà Phê | 246.00 gram | 1.75 túi | 1.00 túi | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6 | Đào Ngâm | 530.00 gram | 0.35 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 7 | Syrup Đường Đen | 765.00 ml | 0.19 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8 | Hồng Trà | 104.00 gram | 0.83 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Soda | 4.00 lon | 8.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10 | Syrup Bạc Hà | 387.00 ml | 0.25 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11 | Syrup Lựu Đỏ | 563.00 ml | 0.20 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12 | Mứt Chanh Dây | 80.00 ml | 0.22 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13 | Mứt Kiwi | 669.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14 | Mứt Mãng Cầu | 1035.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15 | Mứt Việt Quất | 361.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16 | Sữa Tươi Không Đường | 572.00 ml | 2.43 Hộp | 2.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17 | Syrup Curacao | 966.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18 | Syrup Đào | 449.00 ml | 0.55 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19 | Trà Ô Long | 24.00 gram | 0.96 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20 | Trà Ô Long Đào | 87.00 gram | 0.85 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 21 | Sốt Matcha | 307.00 ml | 0.51 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22 | Sốt Caramel | 159.00 ml | 0.75 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Sốt Chocolate | 317.00 ml | 0.50 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24 | Syrup Táo | 674.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25 | Bột Kem Muối | 55.00 ml | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26 | mứt bắp nữ hoàng | 43.00 ml | 0.00 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27 | mứt hồng chín | 4.00 ml | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28 | Bia Heineken bạc | 11.00 Lon | 0.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29 | Bia Heineken xanh | 24.00 Lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30 | Cam | 2030.00 gram | 0.97 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31 | Cà Rốt | 2041.00 gram | 0.96 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 706.00 gram | 0.00 gram | 0.00 gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33 | Dưa Hấu | 3625.00 | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34 | Pepsi | 30.00 lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 35 | Trà dưỡng tâm | 4.00 Gói | 6.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36 | Trà dưỡng nhan | 5.00 Gói | 5.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Vải Ngâm | 8.00 Trái | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38 | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 1.00 Gói | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39 | Hướng Dương | 34.00 Gói | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ muối hồng | 29.00 Bịch | 0.00 Bịch | 0.00 Bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41 | Bột Matcha | 393.00 gram | 0.21 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....